

SO SÁNH THUYẾT MINH NGHỊ QUYẾT

TT	Nội dung	Mức cũ An Giang	Các tỉnh lân cận			
			Vĩnh Long	Cà Mau	Đồng Tháp	Cần Thơ
1	Điều 4. Chế độ đãi ngộ đặc thù dành cho huấn luyện viên, vận động viên	Quy định mới				
1.1	VĐV đạt đẳng cấp quốc gia a) KIỆN tướng: 2.000.000 đồng/người/tháng. b) Cấp I quốc gia: 1.000.000 đồng/người/tháng.		- KIỆN tướng: 2.000.000			
1.2	Hỗ trợ sinh hoạt phí hàng tháng bằng 30% mức tiền lương theo ngày tập thực tế tập trung tập huấn, thi đấu quy định tại			- Đội tuyển quốc gia: 6.000.000 đồng/người/tháng. - Đội tuyển trẻ quốc gia: 5.400.000 đồng/người/tháng.	- Đội tuyển quốc gia: 5.000.000 đồng/người/tháng. - Đội tuyển trẻ quốc gia: 4.000.000 đồng/người/tháng.	- Đội tuyển quốc gia: 5.100.000 đồng/người/tháng. - Đội tuyển trẻ quốc gia: 3.900.000 đồng/người/tháng.

TT	Nội dung	Mức cũ An Giang	Các tỉnh lân cận			
			Vĩnh Long	Cà Mau	Đồng Tháp	Cần Thơ
	điểm a, điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định 349/2025/NĐ- CP. Tương đương: - VĐV, HLV được triệu tập tuyển quốc gia: 4.950.000 đồng/tháng. - VĐV được triệu tập tuyển trẻ quốc gia: 3.870.000 đồng/tháng.					
2	Điều 5. Chế độ thực phẩm chức năng Vận động viên đội tuyển trẻ, đội tuyển tỉnh được hỗ trợ thực phẩm chức	Quy định mới			1.5000.000 đồng/người/tháng	

TT	Nội dung	Mức cũ An Giang	Các tỉnh lân cận			
			Vĩnh Long	Cà Mau	Đồng Tháp	Cần Thơ
	năng 500.000 đồng/vận động viên/tháng.					
	Điều 6. Chính sách ưu đãi đối với vận động viên thể thao đạt thành tích cao	Kế thừa Nghị quyết số 12/2009/NQ- HĐND; Quyết định số 36/2009/QĐ- UBND ngày 10/9/2009				
	Điều 7. Mức hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên nữ Vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ là thành viên đội tuyển năng khiếu của tỉnh trong thời	Quy định mới			1.100.000 đồng/người/tháng	

TT	Nội dung	Mức cũ An Giang	Các tỉnh lân cận			
			Vĩnh Long	Cà Mau	Đồng Tháp	Cần Thơ
	gian tập trung tập huấn, thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ chăm sóc bảo đảm sức khỏe và sinh lý của phụ nữ bằng 50% mức tại Điều 8 Nghị định 349/2025/NĐ-CP. (tương đương 550.000 đồng/người).					
	Điều 8. Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh tham gia thi đấu lập thành tích tại các đại hội, giải				Bằng 50% mức thưởng đối với các giải thi đấu thể thao quốc tế quy định tại Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.	

TT	Nội dung	Mức cũ An Giang	Các tỉnh lân cận			
			Vĩnh Long	Cà Mau	Đồng Tháp	Cần Thơ
	thi đấu thể thao quốc tế Ngoài mức thưởng do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thưởng cho các vận động viên, huấn luyện viên tham gia đội tuyển quốc gia đạt thành tích thi đấu tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế, tỉnh thưởng thêm bằng 50% mức thưởng đối với các giải thi đấu thể thao quốc tế quy định tại Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.					

TT	Nội dung	Mức cũ An Giang	Các tỉnh lân cận			
			Vĩnh Long	Cà Mau	Đồng Tháp	Cần Thơ
	Điều 9. Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích thể thao tại giải đấu cấp khu vực, vùng, miền	Quy định lại tại QĐ 31/2021/QĐ-UBND				
	Điều 10. Hỗ trợ đối với giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh	Quy định mới				
	Điều 11. Mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên đạt thành tích tại Đại hội thể dục thể thao cấp xã, Hội thi, Hội thao, Hội khỏe Phù Đổng cấp xã, các giải thi đấu thể thao cấp xã					

Điều 12. Chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao

TT	Nội dung	Mức Nghị quyết 39/2022/NQ- HĐND	Dự thảo Nghị quyết mới	Số tiền tăng	Ghi chú
I	Tiền ăn				
1	Giải cấp tỉnh	180.000	200.000	20.000	
2	Giải cấp xã	150.000	165.000	15.000	Lấy mức cấp huyện cũ
II	Tiền thuê phòng nghỉ, đi lại				
1	Tiền thuê phòng nghỉ	Thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ	200.000	Không tăng	
2	Tiền đi lại		Quy chế chi tiêu nội bộ		
III	Chi chế độ cho HLV, VĐV				
1	Chế độ cho huấn luyện viên, vận động viên thuộc đối tượng áp dụng tại Nghị định số				

	349/2025/NĐ-CP tham gia giải thi đấu các giải thể thao thực hiện theo Nghị định 349/2025/NĐ-CP.				
2	- Chế độ cho huấn luyện viên, vận động viên cấp xã, cơ quan khác có liên quan <i>(không thuộc đối tượng áp dụng chế độ dinh dưỡng theo Nghị định số 349/2025/NĐ-CP)</i> tham gia thi đấu các giải thể thao thực hiện như sau:	110.000 tập huấn 180.000 thi đấu	120.000 tập huấn 200.000 thi đấu	Tăng 10.000 Tăng 20.000	Lấy mức cấp huyện cũ
IV	Chi thực hiện nhiệm vụ tại giải đấu thể thao				
TT	Đối tượng	Mức chi cấp tỉnh NQ 39/NQ-HĐND	Mức chi cấp xã NQ 39/NQ-HĐND	Mức chi cấp tỉnh mới	Mức chi cấp xã mới
1	Trưởng ban, phó trưởng ban, thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức; trưởng các tiểu ban chuyên môn và phó trưởng các tiểu ban chuyên môn	95.000	80.000	190.000 (tăng 95.000)	150.000 (tăng 70.000)

2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	70.000	60.000	160.000 (tăng 90.000)	130.000 (tăng 70.000)
3	Giám sát, trọng tài chính (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	70.000	60.000	190.000 (tăng 120.000)	150.000 (tăng 90.000)
4	Thư ký, trọng tài khác (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	60.000	50.000	135.000 (tăng 75.000)	110.000 (tăng 60.000)
5	Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ	50.000	45.000	80.000 (tăng 30.000)	65.000 (tăng 20.000)
6	Người tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ				
	- Tập luyện	35.000	30.000	65.000 (tăng 30.000)	50.000 (tăng 20.000)
	- Tổng duyệt	45.000	40.000	95.000 (tăng 40.000)	75.000 (tăng 35.000)
	- Chính thức	80.000	75.000	150.000 (tăng 70.000)	120.000 (tăng 45.000)

	- Giáo viên hướng dẫn	70.000	65.000	130.000 (tăng 60.000)	110.000 (tăng 45.000)
--	-----------------------	--------	--------	---------------------------------	---------------------------------